

Tag 218

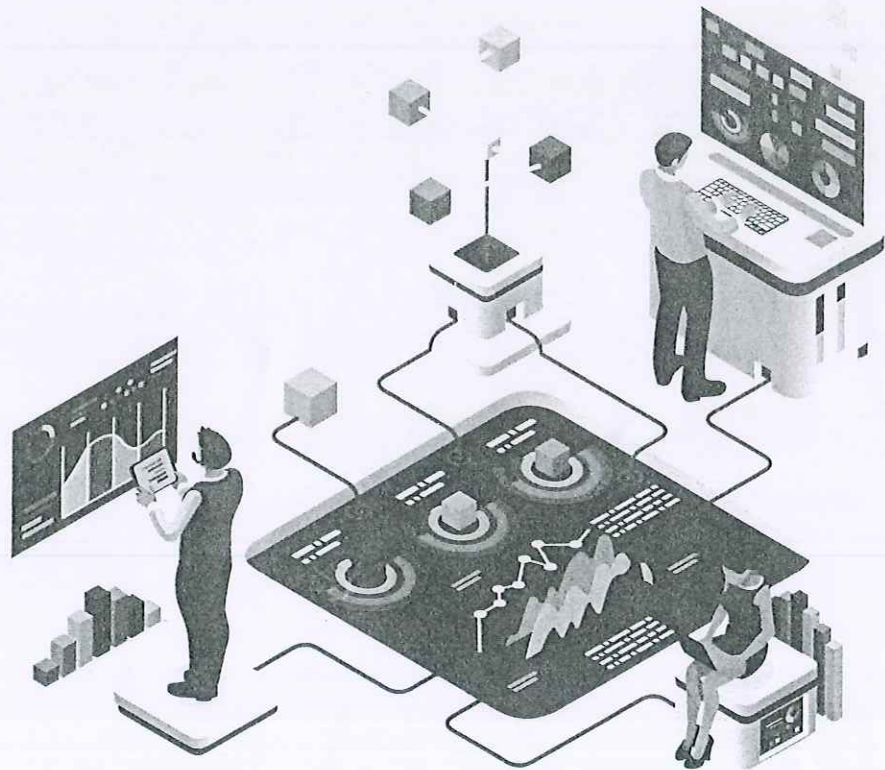


TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRẺ



KỶ YẾU HỘI NGHỊ KHOA HỌC KINH TẾ TRẺ NĂM 2019

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI
TỰ DO (FTA) VIỆT NAM THAM GIA ĐẾN LỰC LƯỢNG
LAO ĐỘNG TRẺ VÀ NỀN KINH TẾ VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Tên bài/ Titles	Tác giả/Authors	Trang/No
Phát triển nguồn nhân lực trình độ cao nhằm tận dụng cơ hội từ CPTPP. Cách tiếp cận của chính phủ Việt Nam	Nguyễn Hoàng Tiến	124
Phát triển nguồn nhân lực trong các doanh nghiệp có vốn đầu nước ngoài tại Việt Nam đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0	Phan Đức Dũng Huỳnh Hữu Nguyên	133
Tác động của biện pháp phi thuế quan tới chuỗi giá trị toàn cầu của Việt Nam	Lê Thị An Đoàn Ngọc Thắng	145
Tác động của đặc điểm Ban Giám đốc và đặc điểm doanh nghiệp đến công bố trách nhiệm xã hội tại các ngân hàng thương mại Việt Nam	Nguyễn Vĩnh Khương Trần Tử Hồ Đinh Thị Ngọc Hà Nguyễn Thị Phương Ngọc Nguyễn Phan Bảo Thi Cao Thị Tú Uyên	158
Tác động của FTAS đối với Việt Nam và lao động trẻ	Đào Minh Châu	170
Tác động của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đối với thị trường lao động việc làm của Việt Nam	Nguyễn Mậu Hùng	178
Thách thức của Hiệp định CPTPP thiếu Mỹ đối với Việt Nam	Nguyễn Hoàng Tiến	195
The impact of fintech development on financial inclusion in asia countries	Đinh Thị Thanh Van Hoàng Thị Ngọc Anh	204
Thực trạng và giải pháp chủ yếu nâng cao năng lực cạnh tranh hiệu quả của các doanh nghiệp vừa và nhỏ sau khi Việt Nam gia nhập FTA	Tạ Trần Trọng	218
Ý định theo đuổi công việc tại doanh nghiệp gia đình: nghiên cứu đối với sinh viên tại thành phố Hồ Chí Minh	Nguyễn Tuấn Dương Phan Minh Nam Lê Quỳnh Trang Nguyễn Thị Phước Thuyền	228

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH HIỆU QUẢ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ SAU KHI VIỆT NAM GIA NHẬP FTA

Tạ Trần Trọng

Trường Đại học Văn hiến

Email: tatrantrong0206@gmail.com.

TÓM TẮT

Từ khi ký các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) đến nay, nền kinh tế Việt Nam đã phát huy tiềm lực trong nước kết hợp với các điều khoản của FTA và các tổ chức kinh tế Quốc tế khác, nước ta đã gặt hái nhiều thành công; tuy nhiên cũng nảy sinh nhiều trở ngại... Kết quả nghiên cứu: Tham luận khái quát một số nét về FTA và FTA thế hệ mới (FTAs); phân tích những thành tựu và thách thức của doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) của Việt Nam khi gia nhập các FTA; từ đó đề xuất các giải pháp chủ yếu tầm vĩ mô và tầm vi mô nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp vừa và nhỏ của Việt Nam.

Từ khóa: FTA, doanh nghiệp vừa và nhỏ, thành quả, thách thức, giải pháp.

1 GIỚI THIỆU

Hiệp định Thương mại tự do là một Hiệp ước thương mại giữa hai hoặc nhiều quốc gia. Theo đó, các nước sẽ tiến hành theo lộ trình việc cắt giảm và xóa bỏ hàng rào thuế quan cũng như phi thuế quan nhằm tiến tới việc thành lập một khu vực mậu dịch tự do. Theo thống kê của Tổ chức Thương mại thế giới có hơn 200 Hiệp định Thương mại tự do có hiệu lực. Các Hiệp định Thương mại tự do có thể được thực hiện giữa hai nước riêng lẻ hoặc có thể đạt được giữa một khối thương mại và một quốc gia

Từ khi ký các FTA đến nay nền kinh tế Việt Nam đã phát huy tiềm lực trong nước kết hợp với các điều khoản của FTA, nước ta đã gặt hái nhiều thành công; tuy nhiên cũng nảy sinh nhiều trở ngại... do vậy nghiên cứu "*THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ SAU KHI VIỆT NAM GIA NHẬP FTA*" là cần thiết.

2 THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ VIỆT NAM

Doanh nghiệp vừa và nhỏ

Theo Nghị định (ngày 11/3/2018) của Chính phủ số 39/2018 /NĐ-CP; tổng hợp nội dung sau:

- Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực sản xuất có lao động hàng năm không quá 100 người, vốn không quá 20 tỷ đồng, doanh thu không quá 50 tỷ đồng... Doanh nghiệp vừa số liệu tương ứng: 200 người, 100 tỷ đồng và 200 tỷ đồng...
- Doanh nghiệp nhỏ trong lĩnh vực thương mại và dịch vụ có lao động hàng năm không quá 50 người, vốn không quá 50 tỷ đồng, doanh thu không quá 100 tỷ đồng... Doanh nghiệp vừa số liệu tương ứng: 100 người, 100 tỷ đồng và 300 tỷ đồng...

Theo Cục Đăng ký quản lý kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư): Tính đến cuối 2016, cả nước có khoảng 612.000 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong năm 2017, tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động của cả nước là 153.307 doanh nghiệp (DN). Trong đó có 126.859 doanh nghiệp thành lập mới và 26.448 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Bốn tháng (tháng 1 đến tháng 4 năm 2018) đầu năm 2018: sau khi cộng DN mới với DN quay lại hoạt động trừ DN giải thể, số DN mới là 4063 DN.

Tổng hợp lại: Đến cuối 2018 tổng DN đang hoạt động là: 769.563 DN; trong đó khoảng 98% là DN VVN. DN VVN hiện chiếm gần 98% số doanh nghiệp của Việt Nam, đóng góp 40% vào GDP, trên 30% vào tổng thu ngân sách nhà nước, giải quyết 50% công ăn việc làm cho xã hội Việt Nam là nước có nền kinh tế mới nổi, doanh nghiệp là bộ phận quan trọng nhất, trong đó có DN VVN đóng góp quyết định đến tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước.

Khái quát nội dung về các FTA

Phạm vi và các vấn đề được đề cập trong mỗi FTA là khác nhau, phụ thuộc vào lựa chọn và thỏa thuận giữa các Thành viên FTA. Tuy nhiên, với tính chất chung là hướng tới loại bỏ rào cản đối với phần lớn thương mại giữa các nền kinh tế thành viên, một FTA thường bao gồm các nội dung chính sau:

Một là: Nhóm các cam kết liên quan tới tự do hàng hóa (thương mại hàng hóa)

Nhóm này bao gồm các cam kết liên quan tới việc dỡ bỏ các rào cản đối với thương mại hàng hóa giữa các Thành viên, cụ thể: Ưu đãi thuế quan (thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu): Thường là một Danh mục liệt kê các dòng thuế được loại bỏ và lộ trình loại bỏ thuế (loại bỏ ngay hay sau một số năm).

Quy tắc xuất xứ: Bao gồm các cam kết về điều kiện xuất xứ để được hưởng ưu đãi thuế quan và thủ tục chứng nhận xuất xứ.

Loại bỏ hoặc cắt giảm các hàng rào phi thuế quan: Bao gồm các cam kết ràng buộc, hạn chế các biện pháp hạn chế/cấm xuất nhập khẩu, giấy phép xuất khẩu, hàng rào kỹ thuật, vệ sinh an toàn thực phẩm, chống bán phá giá, chống trợ cấp, tự vệ...

Ngoài ra, một số FTA giai đoạn sau này còn có thêm các cam kết về các vấn đề thúc đẩy, hỗ trợ cho thương mại hàng hóa, ví dụ: Hải quan và tạo thuận lợi thương mại: Bao gồm cam kết về quy trình, thủ tục, minh bạch thông tin... trong quá trình xuất nhập khẩu hàng hóa. Các nguyên tắc trong đối xử với hàng hóa nhập khẩu khi lưu thông trong thị trường nội địa.

Hai là: Nhóm các cam kết liên quan tới tự do dịch vụ (thương mại dịch vụ)

Không phải FTA nào cũng có các cam kết về thương mại dịch vụ. Thường thì các FTA được đàm phán ký kết ở giai đoạn sau này mới có các cam kết về vấn đề này, thường sẽ bao gồm:

Mở cửa thị trường dịch vụ: Thường là một Danh mục các dịch vụ cam kết mở và các điều kiện mở cửa cụ thể:

Các nguyên tắc liên quan tới việc đối xử với nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài khi họ cung cấp dịch vụ vào Việt Nam hoặc cho tổ chức, cá nhân Việt Nam.

Ba là: Nhóm các cam kết liên quan tới các vấn đề khác

Các FTA giai đoạn sau này thường có thêm các cam kết về một hoặc một số các lĩnh vực khác không phải thương mại hàng hóa, dịch vụ nhưng có vai trò quan trọng trong thương mại, đầu tư giữa các Thành viên như: Đầu tư (có thể là cam kết về đầu tư độc lập hoặc cam kết về đầu tư gắn với mở cửa thị trường dịch vụ); Sở hữu trí tuệ; Cạnh tranh; Minh bạch, chống tham nhũng; Môi trường; Lao động...

Số các lĩnh vực và mức độ chi tiết của các cam kết trong mỗi lĩnh vực là khác nhau giữa các FTA, tùy thuộc vào sự quan tâm của các Thành viên và bối cảnh đàm phán.

Khái quát thành tựu chiến lược Việt Nam khi gia nhập FTA

Hiện nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ thương mại với hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới. Thời gian qua, nước ta đã ký kết và thực thi các hiệp định mở cửa thương mại quan trọng, trong đó tiêu biểu là trước khi gia nhập WTO, Việt Nam đã ký Hiệp định Thương mại song phương Việt Nam - Hoa Kỳ (năm 2000). Sau khi gia nhập Tổ chức WTO (năm 2007), Việt Nam tham gia đàm phán và ký kết các Hiệp định Thương mại tự do (FTA) quan trọng khác có thể kể tới như: Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu – EU - (EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc thành thành viên của

Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC); FTA Bắc Mỹ (NAFTA); Thị trường Chung Nam Mỹ (MERCOSUR); các FTA ASEAN+1; FTA Australia-Hoa Kỳ (AUSFTA);...

Việt Nam tham gia các hiệp định FTA cũng như các tổ chức Quốc tế khác, mở ra con đường hội nhập thuận lợi hơn cho các DN, trong đó có DN Việt Nam cũng như toàn bộ nền kinh tế với các đối tác thương mại lớn. Đồng thời, thông qua việc thực thi các cam kết trong đó môi trường đầu tư, kinh doanh của Việt Nam cũng được cải thiện mạnh mẽ, tạo điều kiện để DN tự do sáng tạo, kinh doanh, làm giàu cho mình và cho đất nước.

Thêm vào đó, sau khi Việt Nam ký các FTA, các nguồn vốn ODA và FDI vào Việt Nam xu hướng ngày càng tăng, tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam về giá trị tuyệt đối ngày được nâng cao: Từ đó, môi trường kinh doanh cho DN Việt Nam liên tục được cải thiện do nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ DN Việt Nam phát triển như các nghị quyết của Chính phủ (từ các năm 2014, 2015, 2016) và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển DN đến năm 2020... Theo đó, mục tiêu mà Chính phủ đặt ra là đến năm 2020, xây dựng DN Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, cả nước có ít nhất 1 triệu DN hoạt động, trong đó có các DN có quy mô lớn, nguồn lực mạnh. triển khai thực hiện Nghị quyết 35, nhiều giải pháp cụ thể đã được tiến hành, nhiều cam kết mạnh mẽ của Chính phủ với cộng đồng doanh nghiệp đã được hiện thực hóa.

Tại Lễ phát động Phong trào thi đua "DN Việt Nam hội nhập và phát triển" (ngày 11/10/2016 tại Hà Nội), Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc nhấn mạnh, trong thời kỳ đổi mới hội nhập và phát triển, cộng đồng DN, đội ngũ doanh nhân Việt Nam đã tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua, ngày càng khẳng định vai trò nòng cốt, tiên phong trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. DN trong đó có DN Việt Nam là bộ phận quan trọng tạo ra của cải cho xã hội, tạo việc làm và sự thịnh vượng của quốc gia.

Nhiều quốc gia trên thế giới trong đó có Việt Nam đang kêu gọi DN Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng dịch vụ logistics toàn cầu (Logistics là một phần của quản trị chuỗi cung ứng bao gồm việc hoạch định, thực hiện, kiểm soát việc vận chuyển và dự trữ hiệu quả hàng hóa, dịch vụ cũng như những thông tin liên quan từ nơi xuất phát đến nơi tiêu thụ để đáp ứng yêu cầu của khách hàng...); bởi đây là một trong các ngành dịch vụ có ý nghĩa quan trọng trong thương mại quốc tế. Ông Trần Chí Dũng, Giám đốc Công ty Tri thức hậu cần, thành viên Ban Đào tạo của Hiệp hội doanh nghiệp Logistics Việt Nam, cho rằng: Ngành logistics tạo cơ hội to lớn cho sự tham gia của các DN Việt Nam. Hiện DN Việt Nam rất tích cực tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu và tìm hiểu kinh nghiệm từ các nền kinh tế khác, từ đó có thêm những giải pháp và hành động cụ thể để phát triển. Việt Nam đã có Chương trình hành động quốc gia về phát triển dịch vụ logistics, chính vì vậy khi phát triển và quản lý logistics tốt từ cả phía chính phủ và doanh nghiệp sẽ góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh và phát triển cho cả doanh nghiệp và nền kinh tế. Ông Trần Chí Dũng cho biết thêm: "Để doanh nghiệp có thể hiểu